

## **Quan niệm về giá trị của hôn nhân trong giới trẻ ở đô thị hiện nay**

**Nguyễn Hồng Mai**

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh kinh tế - xã hội đang biến động mạnh mẽ và toàn diện trên đất nước ta, nhiều giá trị sống - trong đó có giá trị của hôn nhân đã được đưa ra bàn luận và thay đổi thực hành. Sự thay đổi biểu hiện rõ nhất trong bộ phận cư dân là giới trẻ sống trong các đô thị. Bên cạnh việc tiếp tục noi theo chuẩn mực truyền thống coi hôn nhân là một giá trị phổ quát, một giá trị vĩnh viễn đã xuất hiện thêm những lựa chọn khác, tương hợp với sự lên ngôi của phạm trù cá nhân. Bài viết phân tích lý giải nguyên nhân của hiện tượng này.

**Từ khóa:** Hôn nhân gia đình; Giá trị của hôn nhân; Quan niệm về hôn nhân.

Ngày nhận bài: 29/5/2017; ngày chỉnh sửa: 7/12/2018; ngày duyệt đăng: 7/1/2019.

Trong vài thập kỷ gần đây, trên đất nước ta đã diễn ra một cuộc cách mạng mạnh mẽ và sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội - văn hóa. Mỗi cá nhân cũng như gia đình - cộng đồng gần gũi và thân thiết của họ, đều bị cuốn vào cơn lốc này. Những biến động trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình ở Việt Nam cần được soi sáng trong bối cảnh có tính khách quan ấy. Tuy nhiên, sự biến động này đã và sẽ diễn ra không đồng đều mà phụ thuộc vào mức độ xáo trộn của môi trường cụ thể, và trình độ phát triển nhận thức và quan niệm về giá trị hạnh phúc mà mỗi người theo đuổi. Chính vì thế, trong mỗi không gian, thời gian văn hóa, ở mỗi chủ thể văn hóa, người nghiên cứu có thể nhận được những kết quả khác biệt. Bài

viết này đi sâu phân tích sự biến đổi quan niệm về giá trị hôn nhân của một bộ phận người trẻ đang sống ở đô thị.

## 1. Giới trẻ ở đô thị - tâm điểm của sự biến đổi giá trị

Giới trẻ ở đô thị là cụm từ nhắc tới một bộ phận dân cư đang nằm trong tâm bão của biến động xã hội. Giới trẻ, lớp trẻ hay thế hệ trẻ thường đặt trong tương quan so sánh với thế hệ trung niên (cha, mẹ) và thế hệ người cao tuổi (ông, bà). Thế hệ trẻ, một mặt, mang đặc điểm chung của bất kỳ mọi thế hệ, mặt khác, họ không có những hồi ức, những trải nghiệm như thế hệ ông cha. Mặc dù được tập nhiễm hoặc giáo dục các khuôn mẫu giá trị truyền thống từ gia đình, nhà trường và truyền thông xã hội, nhưng họ vẫn là nhóm người ít chịu ràng buộc bởi quá khứ mà luôn ham thích khám phá những điều kỳ lạ, dễ tiếp cận và chấp nhận cái mới. Ở nước ta, độ tuổi của thế hệ này chưa được xác định thống nhất trong các nghiên cứu, kể cả một số văn bản pháp luật. Với quan niệm giới trẻ bao gồm cả thanh niên và vị thành niên, chúng tôi tán thành đề xuất của tác giả Lê Thị “Thế hệ trẻ ở Việt Nam bắt đầu từ lứa tuổi 12, 13 kéo dài đến tuổi 29” (Lê Thị, 2009: 28). Sự phân định này dựa trên căn cứ: Mốc đầu tính từ thời điểm dậy thì, bắt đầu phát triển thể chất và rung động giới tính, mốc cuối gắn với thời điểm trưởng thành bằng việc kết hôn, lập gia đình riêng hoặc rời gia đình sống tự lập. Có hai khía cạnh cần lưu ý: tuổi dậy thì và tuổi kết hôn thường có dao động (sớm hoặc muộn) trong các bối cảnh kinh tế xã hội khác nhau; giới trẻ hôm nay khác rất nhiều so với người trẻ thời chống Pháp, chống Mỹ hay thời kỳ bao cấp.

Với độ tuổi xác định như trên, giới trẻ bàn đến trong bài viết này đều là những người sinh ra, lớn lên sau Đổi Mới – dấu mốc được coi là quan trọng nhất của lịch sử Việt Nam hiện đại. Chiếm trên 1/3 dân số, phần lớn có trình độ học vấn phổ thông, nhiều người tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sử dụng được ngoại ngữ, đặc biệt am hiểu khoa học công nghệ, họ đang có mặt trong mọi lĩnh vực cuộc sống và được đánh giá như lực lượng đi đầu trong công cuộc Đổi Mới. Trên truyền thông, nhóm công dân này còn được gọi là thế hệ @, bởi vì họ bước vào tuổi khám phá thế giới và xác lập giá trị đúng thời điểm bùng nổ các phương tiện truyền thông, nổi bật là internet. Đối với giới trẻ, internet và tiếng Anh là giấy thông hành bước ra thế giới, là thước đo trình độ hiện đại của mỗi người. Internet không chỉ cung cấp một kho tri thức khổng lồ và nhanh nhạy mà còn tạo dựng cho giới trẻ một trường giao tiếp phong phú, không giới hạn và cũng là một không gian thể hiện bản sắc đa chiều và sinh động (Nguyễn Thị Phương Châu, 2013:186). Giới trẻ sinh trưởng sau Đổi Mới đã có được may mắn thụ hưởng thành tựu quan trọng của nhân loại. Cần nói thêm, thế hệ phụ huynh của nhóm đối tượng này thường ở độ tuổi 6x, 7x, là những người lớn lên dưới mái trường

xã hội chủ nghĩa, và trong một thời gian dài được giáo dục theo xu hướng coi khuôn mẫu, giá trị truyền thống là tàn dư của chế độ phong kiến. Họ cũng đã tiếp cận và chịu ảnh hưởng nhiều của những giá trị mới. Do vậy, so với các mốc chuyển giao thế hệ trước đây, gia đình xuất thân của lớp trẻ hôm nay thường ít phản ứng gay gắt trước sự nổi loạn của họ.

Trong giới trẻ Việt Nam thì người trẻ sống ở đô thị vừa đóng góp vừa tận hưởng nhiều nhất cả mặt tích cực và mặt hạn chế của những biến động xã hội. Họ bao gồm những người sinh ở đô thị, cả bộ phận người di cư đến đô thị học tập, làm việc. Cách đây gần hai mươi năm, khi tốc độ đô thị hóa còn thấp, tỷ lệ thanh niên đô thị chỉ chiếm 25,24% thanh niên cả nước (Phạm Hồng Tung, 2011:178). Đến nay, theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới tháng 10/2017, với tốc độ đô thị hóa trung bình của toàn quốc đã là 3,2%/năm, chắc chắn số lượng dân đô thị, trong đó có người trẻ sẽ lớn hơn rất nhiều. Ở độ tuổi này, họ có thể đang là học sinh phổ thông, sinh viên các trường cao đẳng, đại học hoặc đã đi làm chừng độ vài năm. Khác môi trường nông thôn, ở không gian đô thị - nơi diễn ra trực tiếp và thường xuyên các hoạt động giao lưu kinh tế văn hóa - người ta có điều kiện tiếp xúc sớm và cởi mở trước cái mới và cũng dễ dàng tháo bỏ những thực hành mang tính tập tục. Các bạn trẻ di cư đến từ các làng quê có thêm được cảm giác "sở lỏng", kể cả sự giám sát của cha mẹ. Sống trong một môi trường cởi mở, được tiếp xúc với rất nhiều giá trị nhân văn mới mẻ vốn xa lạ với thế hệ ông cha họ, người trẻ tất yếu phải suy nghĩ, lựa chọn. Nhiều cặp giá trị được đặt lên bàn cân nhắc.

Trong hệ thống các giá trị, giới trẻ quan tâm khá nhiều tới các giá trị về tình yêu, hôn nhân và gia đình. Những câu hỏi đặt ra: kết hôn hay chọn sống độc thân, kết hôn sớm hay muộn, kết hôn vì tình yêu hay vì điều kiện vật chất, kết hôn với người thành phố hay người đồng hương, v.v. Kết quả lựa chọn giá trị sẽ được biểu hiện cụ thể trong cách họ thực hành.

Sau đây, chúng ta sẽ phân tích cụ thể hơn một vài khía cạnh biến đổi trong quan niệm về giá trị hôn nhân của nhóm đối tượng này dựa trên một số kết quả điều tra đã công bố và qua một vài điển ngôn của họ trên phương tiện truyền thông thời gian gần đây

## 2. Hôn nhân còn là một giá trị phổ quát?

Về lý thuyết, hôn nhân là một thể chế xã hội đánh dấu sự cam kết sống chung giữa hai người trưởng thành khác giới dựa trên nhu cầu gắn bó tình cảm và ham muốn tính dục. Thể chế này được cộng đồng xã hội thừa nhận qua nghi thức "có cưới, có cheo" và được luật pháp bảo vệ nhờ thủ tục làm "giá thú" (đăng ký kết hôn). Hôn nhân được coi như tiền đề hình thành một gia đình. Có thể thấy, hệ thống quan niệm này đã thống trị, xuyên suốt và bảo tồn trong nền văn hóa truyền thống.

Trong hệ giá trị truyền thống, hôn nhân là một giá trị phổ quát. Câu “*Trai khôn dựng vợ, gái khôn gả chồng*” vừa cho biết vai trò chủ động, quyết định của cha mẹ, vừa khẳng định kết hôn là việc tất yếu phải thực hiện, hơn thế, nó phải diễn ra ngay khi con người bước vào tuổi được coi là đã lớn khôn. Đối với người làm cha mẹ, dựng vợ gả chồng cho con vừa là niềm vui, vừa là trách nhiệm cơ bản. Phần vì tuổi thọ thấp, phần vì cần sức lao động, người ta mong con lập gia đình sớm và sinh nhiều con. Trong làng xã, chỉ hình thức kết hôn mới chính thức đủ điều kiện xác lập quan hệ huyết thống. Mỗi đứa trẻ sinh ra là một lần dòng dõi được phát triển và càng sinh nhiều đứa trẻ càng bảo tồn dòng dõi. Cha mẹ không yên lòng nhắm mắt khi con họ chưa “*yên bề gia thất*”. Gia đình lo cho cá nhân không chỉ miếng cơm hớp nước, giường chiếu ngả lưng, không chỉ bát thuốc khi ốm đau mà còn cả nén hương tưởng nhớ khi nằm xuống. Người thiếu hụt các mối quan hệ gia đình, nhất là không có gia đình riêng, được coi là đối tượng thương cảm của cộng đồng vì họ không có một vị thế nào trong cơ tầng xã hội. Hơn thế hôn nhân ngoại tộc thực chất là hình thức đơn giản và dễ dàng nhất để người nông dân mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội, tăng thêm sức mạnh cho gia đình. Trong bối cảnh đó, hôn nhân chính là một phương thức tìm kiếm an toàn sinh kế và cũng là an toàn xã hội cho mỗi cá nhân.

Ngày nay, đa số bạn trẻ sống ở đô thị vẫn muốn kết hôn. Điều này trước hết bắt nguồn từ quan niệm của họ về giá trị gia đình. Dựa trên kết quả 95,6% thanh niên được phỏng vấn trong hai năm 2009-2010 tự nhận mình rất quan tâm đến gia đình, tác giả Phạm Hồng Tung khẳng định chắc chắn “hiện nay gia đình là một giá trị được tuyệt đại đa số thanh niên Việt Nam quan tâm nhiều nhất, hơn bất cứ một giá trị nào trong cuộc sống hiện thực của họ” (Phạm Hồng Tung, 2011:270). Tuy vậy, gia đình được đưa ra trong khảo sát này là gia đình xuất thân của mỗi người. So với thanh niên các nước phương Tây và cả thế hệ thanh niên Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử trước đây, giới trẻ hôm nay gắn bó với cha mẹ sâu sắc và lâu dài hơn nhiều. Việc thanh niên phương Tây ít gắn bó với gia đình vì họ có truyền thống tự lập rất sớm. Ở nước ta, giai đoạn giới trẻ được gia đình bao bọc kéo rất dài. Hầu hết các bạn trẻ theo học ở các trường chuyên nghiệp phải dựa vào tài chính của gia đình, vì thế họ không thể không làm theo ý kiến của cha mẹ (chỉ có 6,7% thừa nhận mình không tuân thủ) (Phạm Hồng Tung, 2011:271). Đây là thái độ của họ đối với gia đình xuất thân, còn việc lập gia đình riêng lại là chuyện khác. Lý do thúc đẩy người trẻ hiện nay muốn kết hôn mang đậm yếu tố cá nhân chứ không phải những động cơ mà chúng ta đã bàn ở phần trên. Nhìn chung, đối với những người trẻ hiện nay, thể chế hôn nhân đã giảm bớt tính hấp dẫn, biểu hiện qua thái độ thực hành của một bộ phận

không nhỏ trong giới trẻ đô thị, đó là lựa chọn sống độc thân, trì hoãn việc kết hôn, chấp nhận chung sống (kể cả có con) không kết hôn.

“Độc thân” là khái niệm chỉ người trưởng thành không lập gia đình riêng. Nhiều nền văn hóa có hiện tượng này, chỉ khác nhau về tỷ lệ, nguyên nhân và thái độ ứng xử của cộng đồng. Trước kia, rất ít người sống độc thân và đều do hoàn cảnh “bất đắc dĩ” hoặc ốm đau – bệnh tật, hoặc quá nghèo không lo đủ được nghi thức cưới hỏi, hoặc không gặp được người phù hợp, và nhiều nhất thuộc về trường hợp buộc hy sinh hạnh phúc cá nhân để chăm lo cho người thân. Theo kết quả điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006, chỉ có 2,5% dân số từ lứa tuổi trung niên trở lên sống độc thân. Về nguyên tắc cơ bản, không ai muốn và dám lựa chọn lối sống này vì đã đi ngược lại chuẩn mực văn hóa của cộng đồng. Trong xã hội hiện đại, ở nhiều quốc gia phát triển, sống độc thân đã thành một trào lưu. 26% người trẻ ở nước Đức, vào năm 2000, đã chọn sống độc thân (Phạm Hồng Tung, 2011:60). Khảo sát ở Phường Bùi Thị Xuân (Hà Nội) năm 2009, có 20% người trẻ chấp nhận điều này (Lê Thi, 2009:188). Trên phạm vi rộng hơn, 15,5% thanh thiếu niên ủng hộ và 37,9% chấp nhận tùy theo trường hợp. Nếu năm 2006, mới có 26% nhóm thanh niên từ 22 đến 25 tuổi đồng tình thì chỉ ba năm sau con số này đã tăng lên đến 47,8%. Từ kết quả khảo sát, tác giả Nguyễn Hữu Minh nhận định: “tỷ lệ đáng kể thanh thiếu niên chấp nhận tình trạng độc thân phần nào khẳng định sự phát triển của lối sống này trong thanh niên” (Nguyễn Hữu Minh, 2016:272). Câu hỏi đặt ra: Tại sao quan niệm này lại có xu hướng phát triển trong giới trẻ? Đây là hệ quả tổng hợp của rất nhiều nguyên nhân. Ở tầm khái quát, có thể do trong xã hội hiện đại, đơn vị mà luật pháp quan tâm tới là cá nhân chứ không phải gia đình. Dù không lập gia đình, cá nhân vẫn được bảo đảm đầy đủ các quyền công dân. Có thể còn nhiều lý do cụ thể hơn: áp lực học hành và kiếm sống; sự phát triển tiện lợi và rộng khắp của mạng lưới dịch vụ xã hội; sự cởi mở của xã hội trong lĩnh vực tình dục, bao gồm cả các biện pháp phòng tránh và xử lý hậu quả; tâm lý lo lắng về tình trạng thiếu bền vững của hôn nhân; đặc biệt là sự phát triển ý thức cá nhân, coi hôn nhân chỉ là “xiềng xích của tự do”.

Tuy vậy, việc sống độc thân cả đời vốn không phù hợp với tâm lý người Việt Nam. “Tỷ lệ chấp nhận ở thanh niên nhóm tuổi từ 14-17 cao hơn nhóm tuổi 18-21 và các nhóm tuổi 22-25” (Nguyễn Hữu Minh, 2016:72). Có thể thấy nhận thức của giới trẻ về vấn đề này có thay đổi theo mức độ trưởng thành. Vì vậy, so với thái độ ủng hộ sống độc thân thì khuyến khích trì hoãn việc kết hôn mạnh hơn. Tuổi kết hôn lần đầu của thanh niên đô thị ngày càng tăng. Có nhiều yếu tố khách quan, chủ quan tác động tạo ra sự trì hoãn này. Trong xã hội với nền kinh tế tri thức, việc không ngừng tích lũy và nâng cao trình độ học vấn, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề

nghiệp trở thành đòi hỏi bắt buộc, điều này ảnh hưởng rất lớn tới chiến lược sống của người trẻ. Cơ hội phát triển nghề nghiệp, kể cả ra ngoài biên giới quốc gia, rộng mở với thanh niên, cả nam lẫn nữ. Để tạo lập được vị trí xã hội, để chuẩn bị cho tương lai lâu dài, nhiều người phải tạm gác việc lập gia đình. Nhiều bạn trẻ còn có tâm lý cầu toàn muốn cuộc sống gia đình phải đầy đủ, sung túc nên kéo dài thời gian tích lũy. Một vài nghiên cứu còn cho rằng tình trạng trì hoãn kết hôn còn là kết quả của việc noi theo khuôn mẫu giới truyền thống hoặc khuôn mẫu giới hiện đại. Nam thanh niên bị ám ảnh bởi vai trò “trụ cột gia đình” và không ít cô gái cũng tự làm khó mình khi cố gắng tìm kiếm một bờ vai để nương tựa. Mặt khác, xã hội hiện đại đang xây dựng một mô hình gia đình lý tưởng: người chồng không chỉ thành đạt, kiếm tiền giỏi mà còn biết chia sẻ công việc gia đình, còn người vợ không chỉ đảm đang việc nhà mà còn phải có khả năng làm kinh tế. Mô hình ấy đã tạo ra sức ép đối với những người trẻ đứng trước cánh cửa hôn nhân. Chuẩn mực “giỏi việc nước, đảm việc nhà” khiến nhiều bạn nữ lo ngại và buộc phải cân nhắc lựa chọn giữa một bên là lao động xã hội rất căng thẳng nhưng được hưởng lương, có vị thế trong xã hội, một bên là lao động làm vợ, làm mẹ, trói buộc trong hàng núi công việc không tên. Trong khi đó, những thú vui giải trí, giao tiếp – trong đó có cả giao tiếp ảo – của cuộc sống độc thân trở nên hấp dẫn hơn. Trong nhiều trường hợp, việc trì hoãn kết hôn còn mang theo một hy vọng kết hôn muộn sẽ tránh được đổ vỡ.

Một mâu thuẫn đã xuất hiện trong tình huống này. Một mặt, hiện nay tuổi dậy thì, biết yêu đương sớm kèm theo nhu cầu ham muốn tình dục (do chế độ dinh dưỡng, do tác động của truyền thông), mặt khác thời điểm kết hôn lại muộn. Từ đó dẫn tới khả năng gia tăng quan hệ tình dục đôi lừa (sống chung hoặc không sống chung). Trước kia, hôn nhân giữ vai trò kiểm soát tình dục (thời điểm, đối tượng) còn bây giờ, dường như tình dục đã đồng hành với tình yêu ngay từ bước khởi đầu. Việc sống chung trước kết hôn hoặc không kết hôn đang rất phổ biến ở đô thị, thường gặp trong nhóm bạn trẻ di cư, xa gia đình. Quy trình coi hôn nhân là khởi đầu của gia đình đã bị phá vỡ. Một gia đình có thể tạo lập, có thể có con rồi mới kết hôn hoặc không bao giờ kết hôn. Tuy pháp luật không thừa nhận, không bảo vệ các cuộc chung sống không đăng ký: “Việc kết hôn không đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” (điều 9, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014) nhưng không có điều khoản nào ngăn cấm, trừ trường hợp đối tượng đang ở trong quan hệ hôn nhân với người khác. Những bạn trẻ chọn sống chung, ngoài những lý do khách quan (xa gia đình thiếu tình cảm; sống chung để tiết kiệm chi tiêu; gia đình không cho phép kết hôn), còn do tâm lý thiếu niềm tin vào sự bền vững của hôn nhân, không hy vọng lâu bền vào thiết chế này cũng như e ngại ràng buộc về bốn phận hoặc muốn kiểm

nghiệm sự hòa hợp khi sống chung. Việc lựa chọn này giúp họ thỏa mãn được nhu cầu tình cảm, tình dục mà vẫn giữ được ảo tưởng mình vẫn có quyền tự do lựa chọn. Các cuộc chung sống không kết hôn thường ít bền vững vì ý thức “đến đâu hay đó”, các thành viên ít có quyết tâm cải thiện, hàn gắn quan hệ như trong các gia đình có đăng ký hợp pháp. Khi chia tay sau một thời gian sống chung, mỗi người đều gặp những tổn thương về tâm lý, chưa kể những khúc mắc trong phân chia tài sản và trách nhiệm nuôi dưỡng con cái.

Như vậy, giá trị phổ quát của hôn nhân vốn được coi là tất yếu của văn hóa truyền thống đã bị lung lay trong một bộ phận không nhỏ những người trẻ sống ở đô thị. “Hơn bao giờ hết, hôn nhân đã trở thành hành động tự nguyện một sự lựa chọn được cá nhân thực hiện một cách tự do, tương tự như vậy, điều có thể làm cũng có thể không làm” (Johns và cộng sự, 2001:192).

### 3. Hôn nhân còn là một giá trị vĩnh viễn?

Ngoài ý nghĩa một dấu mốc gắn kết đôi nam nữ (đồng nghĩa với “kết hôn”), hôn nhân còn chi mối quan hệ vợ chồng hay quá trình chung sống giữa họ trong cuộc sống gia đình.

Ở nước ta, không chỉ người theo đạo Kito mới chịu chi phối bởi lời thề trước bàn thờ Chúa về một cuộc hôn nhân vĩnh viễn, mà bất kỳ ai trong lễ kết hôn cũng tâm niệm sẽ gắn bó với người kia tới lúc “*đầu bạc, răng long*”, sẽ cùng người kia đi trọn cuộc đời. Vì thế, chung thủy được coi là chuẩn mực sống. Dù có gặp muôn vàn khó khăn, bị bạo hành, bị phản bội, người ta vẫn cố chịu đựng, dung hòa mâu thuẫn với niềm an ủi “*chồng bất có lúc còn xơ*”. Rất hiếm trường hợp ly hôn. Luật pháp phong kiến cho phép người đàn ông được “*rẫy vợ*” nhưng cũng hạn chế bằng điều luật “*tam bất khả xuất*”. Ưu thế “*nam quyền*” tạo cơ hội cho họ lấy thêm vợ mới mà không cần ly hôn, vì hậu quả có thể vừa mất sức lao động lại vừa phải phân chia tài sản. Ly hôn khó xảy ra trong xã hội cũ còn vì hôn nhân không phải là việc của riêng hai người mà là việc lớn của cả gia đình, dòng họ. Ly hôn, không chỉ là nỗi ô nhục mà còn phá vỡ quan hệ thông gia, mạng lưới xã hội mà người ta đã cố gắng tạo lập. Còn người phụ nữ, đi lấy chồng là nhập tâm quan niệm “Sống là người nhà chồng, chết làm ma nhà chồng”. Họ không có thời gian và sức lực để lo âu về hạnh phúc và tự hủy hoại rằng hạnh phúc của mình nằm ở sự hy sinh. Trong cấu trúc đa tầng, ràng buộc của các mối quan hệ làng xã, bất kỳ hành vi nào nổi loạn phá vỡ tập tục đều bị lên án gay gắt.

Nhưng ly hôn không còn là hiện tượng hiếm gặp trong xã hội hiện đại vì “ly hôn được sinh ra từ hệ thống hôn nhân đề cao sự chọn lựa tự nguyện và đặt sự thỏa mãn về tình cảm lên trên hết” (Johns và cộng sự, 2001:198).

Việc tiếp tục chung sống hay chia tay, giờ đây, phụ thuộc vào tình cảm và cảnh huống cụ thể của vợ chồng chứ hiếm khi do sức ép của gia đình hay dư luận xã hội. Nhìn theo chiều hướng tích cực thì ly hôn biểu hiện sự phát triển ý thức về quyền tự do cá nhân. Mỗi người sống có trách nhiệm hơn đối với hạnh phúc của bản thân mình. Hiện tượng ly hôn có thể xảy ra ở bất cứ lứa tuổi nào, bất kỳ giai đoạn nào của hôn nhân, nhưng đáng chú ý là làn sóng “*ly hôn xanh*”. Đây là danh từ chỉ những cuộc ly hôn xảy ra ngay sau khi kết hôn vài năm, thậm chí vài tháng, thường tập trung nhóm trẻ kết hôn sớm hay kết hôn nhanh. Nhưng trong thực tế ly hôn vẫn diễn ra ở nhiều cặp kết hôn muộn hay có thời gian dài tìm hiểu, nên việc trì hoãn hay kéo dài thời gian sống chung trước hôn nhân vẫn không phải phương án tối ưu để giảm thiểu đổ vỡ (Thụy Điển là quốc gia có tỷ lệ sống chung trước kết hôn cao nhất nhưng cũng là nước dẫn đầu về tỷ lệ ly hôn). Nguyên nhân dẫn đến chia tay của các cặp vợ chồng trẻ thường được gói gọn trong ba từ “*không hợp nhau*”. Có thể họ đã thiếu cân nhắc, nóng vội kết hôn khi chưa hội tụ đủ những điều kiện vật chất cơ bản, nhất là thiếu tri thức và những kỹ năng giao tiếp trong đời sống hôn nhân. Tính chuyên biệt chức năng của gia đình hiện đại so với gia đình truyền thống đã đẩy chức năng “*thỏa mãn nhu cầu tâm lý tình cảm*” (bao gồm cả tình dục) lên vị trí quan trọng nhất. Ngày nay, người ta đặt nhiều kỳ vọng vào chức năng này, song không phải bao giờ quan niệm của hai người cũng đồng nhất. Nếu không đạt được mong muốn, họ sẵn sàng chia tay. Trong các vụ ly hôn, tỷ lệ phụ nữ trẻ chủ động chia tay tăng hơn trước. Họ đã dám đối mặt với định kiến, với khuôn mẫu, thí dụ đặt ra câu hỏi “*dịu dàng là vũ khí hay là gông cùm đối với phụ nữ?*” (Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường, 2014:20). Phần lớn trong số này là người có học vấn, có giác ngộ về quyền bình đẳng, có nghề nghiệp ổn định và tài chính độc lập nên khó chấp nhận khuôn mẫu cứng nhắc về vai trò giới trong gia đình. Có thể tham khảo thêm một vài diễn ngôn của các bạn trẻ về vấn đề này.

Dưới tiêu đề “*Có cần cứu hôn nhân?*”, bạn trẻ Lê Quyên viết: “Sự kém hấp dẫn của thể chế hôn nhân truyền thống không phải do những đe dọa về giá trị đem lại mà thực sự do những thay đổi về xã hội, kinh tế, văn hóa, làm con người có những lựa chọn phù hợp với mình hơn”. Vì thế không thể “*đưa ra những qui định pháp luật, hành chính hoặc diễn ngôn đại chúng để bảo vệ định chế hôn nhân*” (Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường, 2014:123). Trong một diễn ngôn khác “*Yêu thương định nghĩa gia đình*”, một bạn trẻ lập luận “*Tại sao người ta kết hôn và lập gia đình, vì người ta yêu nhau. Câu trả lời thật đơn giản và ai cũng đồng ý. Tại sao người ta vẫn ở với nhau khi tình yêu đã chết? Vì người ta quen với giả dối. Câu trả lời “chuẩn không cần chỉnh” nhưng không phải ai cũng thừa nhận*”. Từ đó, tác giả đưa ra đề xuất, đây cũng là quan niệm phổ biến của nhiều người trẻ:



“Văn hóa và pháp luật nên bảo vệ tình yêu tự do và khai phóng con người hơn là phân biệt, trói buộc, gò ép con người phải giả dối ngay trong chính gia đình của mình” (Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường, 2014:127). Thực ra những diễn ngôn này không mới, chúng chỉ được diễn đạt một cách quyết liệt hơn, bởi vì cách đây 127 năm, Ăngghen cũng đưa ra quan điểm tương tự: “Nếu chỉ riêng có hôn nhân dựa trên tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì mới hợp đạo đức mà thôi. Nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át mất, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội. Chi cần tránh cho nhau sa chân vô ích vào vũng bùn kiện tụng để ly hôn mà thôi” (Ăngghen, 1972:132).

Ngày nay, phần lớn mọi người kết hôn tự nguyện và vì tình yêu, chính sự gắn kết của tình yêu giữ hôn nhân tồn tại. Điều này hoàn toàn đúng. Nhưng vẫn cần lưu ý thêm hai khía cạnh sau. Trước hết, không phải lúc nào trong cuộc sống hôn nhân, tình yêu và hôn nhân cũng song hành và không phải vai trò của hôn nhân lớn đến mức như một “*thiết chế duy trì tình yêu*” hay “*nắm mỏ chôn tình yêu*”. Thực ra, hôn nhân chỉ là hình thức xã hội của quan hệ giới tính, được điều chỉnh bởi ý thức đạo đức của hai người cũng như sự bảo vệ của luật pháp. Không có quy định nào buộc người ta kết hôn, nhưng đã kết hôn thì phải có trách nhiệm tuân thủ cam kết. Trong khi đó, tình yêu lại là một trạng thái tinh thần hàm chứa sự say mê có tính thẩm mỹ trước một đối tượng cụ thể, tạo nên sự cộng hưởng khát khao gần gũi thân mật. Tình yêu không bất biến, nó luôn thăng trầm dưới tác động tổng hợp của các nhân tố khách quan - chủ quan. Đó có thể là những lực hấp dẫn mới, sinh động, đa dạng của cuộc sống bên ngoài, đó có thể là nhịp sống đơn điệu, những thói quen nhàm chán rất dễ xuất hiện từ bên trong cuộc sống chung. Vì vậy, tiền đề của một cuộc hôn nhân hạnh phúc là phải có tình yêu đôi lứa luôn được chăm lo vun xới, bồi đắp. Ở một khía cạnh khác, tình cảm vợ chồng không thể giống như tình yêu trai gái thuở ban đầu. Nó buộc phải đối diện, va đập với những vấn đề thực tế gắn liền với ý thức nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người. Vì thế, ông bà ta khi xưa có sự phân định “*tình yêu trai gái*” và “*tình nghĩa vợ chồng*”. Sống với nhau, giữa vợ chồng không chỉ cần tình mà còn cần cả nghĩa. Ngày trước, nếu còn nghĩa thì dù cạn tình, hôn nhân vẫn còn tồn tại vì người ta ít quan tâm đến hạnh phúc hoặc hạnh phúc được hiểu đơn giản. Còn ngày nay, nếu nghĩa không gắn với tình thì cuộc sống chung có được duy trì thì mỗi cá nhân cũng không hạnh phúc. Gần đây, trên truyền thông xuất hiện một mệnh đề mới mang tên “*Bảo dưỡng hôn nhân*” với hàm ý không chỉ cần nuôi dưỡng tình yêu mà còn cần gia tăng cùng cố ý thức trách nhiệm của mỗi người trong cuộc sống chung.

## Lời kết

Những biến đổi trong quan niệm về giá trị hôn nhân của một bộ phận giới trẻ đô thị ở nước ta dường như không có khác biệt lớn khi so sánh với kết quả nghiên cứu của tác giả nước ngoài về vấn đề này ở các nước phát triển. Điều đó cho thấy, sự biến đổi này mang tính khách quan dưới tác động của những bối cảnh kinh tế - xã hội gần gũi trong một thế giới phẳng - Toàn cầu hóa. Theo xu thế tôn trọng hạnh phúc cá nhân, hôn nhân và gia đình sẽ còn giá trị chừng nào nó không cản trở sự phát triển cá nhân. Tương quan giữa hai giá trị cộng đồng và cá nhân vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Ở cấp độ cá nhân, con người tiếp tục tìm kiếm cách thức để dung hòa giữa mô hình tổ chức cộng đồng gia đình và nhu cầu phát triển cá nhân. Ở cấp độ xã hội, các cơ quan quản lý vẫn phải cân nhắc lựa chọn giữa hai mô hình đã được thực thi ở nhiều nước trên thế giới, hoặc cá nhân hóa các vấn đề gia đình, hoặc xã hội hóa các vấn đề gia đình. Mỗi mô hình đều có những ưu điểm và hạn chế riêng. Vì thế đây vẫn là vấn đề thách thức đối với toàn nhân loại, trong đó có Việt Nam. ■

## Tài liệu trích dẫn

- Ăng ghen. 1972. *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*. Nxb. Sự thật.
- Nguyễn Thị Phương Châu. 2013. *Internet: mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường. 2014. *Diễn ngôn: giới và tình dục trong cuộc sống muôn màu*. Nxb. Tri thức.
- Jones, Charles C. và cộng sự. 2001. *Tương lai của gia đình*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Minh. 2016. *Hôn nhân trong xã hội Việt Nam đương đại*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Lê Thị. 2009. *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Phạm Hồng Tung. 2011. *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*. Nxb. Chính trị quốc gia.